

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày: 04-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ

Ông Hoàng Văn Khiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nông Văn Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2024/HSST ngày 03-6-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/QĐXXST-HS ngày 21-6-2024 đối với bị cáo:

- Triệu Minh P, Tên gọi khác: không; sinh ngày 20-12-2003, tại tỉnh Lục Yên, Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Văn T, sinh năm 1980, con bà: Trương Thị Th, sinh năm 1981; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07-02-2024 đến ngày 06-5-2024. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Đỗ Xuân D, sinh năm 1984. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái.

+ Chị Lương Thị L, sinh năm 1986. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Dương Thị K, sinh năm 1991. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn U, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

+ Anh Triệu Văn T, sinh năm 1980. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 04-02-2024, sau khi đã uống rượu tại xã Khánh Hoà, huyện Lục Yên, Triệu Minh P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 21B1-969.93 đi về nhà ở xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái. Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên Triệu Minh P đã nảy sinh ý định đến cửa hàng mua bán điện thoại di động để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Để thực hiện ý định, Triệu Minh P đã điều khiển xe mô tô đến cửa hàng mua bán điện thoại Dư Lanh tại thôn 5, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái. Tại cửa hàng, P đã gặp anh Đỗ Xuân D và hỏi mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax màu vàng. Anh Dư đưa cho P xem chiếc điện thoại và hai người thống nhất giá chiếc điện thoại là 10.800.000 đồng. P đồng ý mua chiếc điện thoại nhưng không trả tiền ngay cho anh Dư mà lấy lý do ra cốp xe lấy tiền, đồng thời cầm theo chiếc điện thoại cho vào túi quần đang mặc, P giả vờ mở cốp xe mô tô rồi bất ngờ khởi động xe nhanh chóng điều khiển xe rời đi.

Đến ngày 05-02-2024, Triệu Minh P mang chiếc điện thoại iPhone 12 Promax đã chiếm đoạt được đến cửa hàng điện thoại di động Quốc Hai tại xã Tân lĩnh, huyện Lục Yên gặp chị Dương Thị K và bán chiếc điện thoại cho chị Khoá với giá là 6.000.000 đồng. Sau đó, P dùng số tiền bán điện thoại để mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus với giá là 3.600.000 đồng. Số tiền bán điện thoại còn lại P đã chi tiêu hết 2.000.000 đồng và còn giữ lại 400.000 đồng.

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, anh Đỗ Xuân D đã đến Công an xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái để trình báo sự việc. Đến ngày 07-2-2024, Triệu Minh P đã đến cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 21C1-969.93, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, số tiền 400.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐĐG ngày 21-3-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Yên kết luận:

- 01 điện thoại di động iPhone; tên kiểu máy: iPhone 12 Promax; số IMEI: 354703756280757; số IMEI 2: 354703756261971 có giá trị là 11.000.000 đồng.

Cáo trạng số: 19/CT-VKS-LY ngày 03-6-2024 của Viện kiểm sát nhân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái truy tố Triệu Minh P về tội: “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Minh P phạm tội “Cướp giật tài sản”.
- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b,h,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Triệu Minh P: 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả cho bị cáo 01 điện thoại iPhone 8 Plus và số tiền 400.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các vật chứng, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 04-02-2024, tại cửa hàng mua bán điện thoại di động Dư Lanh thuộc thôn 5, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái. Triệu Minh P bằng thủ đoạn gian dối giả vờ hỏi mua điện thoại để người sở hữu tài sản là anh Đỗ Xuân D giao cho xem chiếc điện thoại iPhone 12 Promax. Sau khi nhận được tài sản, lợi dụng sự chủ quan, sơ hở của chủ sở hữu tài sản, Triệu Minh P đã nhanh chóng điều khiển xe mô tô tẩu thoát chiếm đoạt chiếc điện thoại iPhone 12 Promax trị giá 11.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, an toàn và trị an cho xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa P. Do đó cần phải đưa bị cáo ra xử lý trước pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã tác động nhờ gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả; bị cáo tự giác ra đầu thú; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản b,h,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo rèn luyện, giáo dục tại cộng đồng, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về những người liên quan khác:

- Đối với ông Triệu Văn T là người cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21C1-969.93, tuy nhiên ông Thuần không biết bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô để thực hiện tội phạm nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Thuần là phù hợp.

- Đối với chị Dương Thị K là người mua chiếc điện thoại iPhone 12 Promax do bị cáo mang đến bán, tuy nhiên chị Khoá không biết nguồn gốc tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Khoá là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là anh Đỗ Xuân D và chị Lương Thị L đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Việc bị cáo bán chiếc điện thoại cho chị Dương Thị K được xác định là giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, bị cáo đã bồi thường cho chị Khoá số tiền là 6.000.000 đồng, chị Khoá không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ông Triệu Văn T đã bồi thường thay cho bị cáo, ông Thuần không yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng:

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 21C1-969.93 là tài sản hợp pháp của ông Triệu Văn T. Qua điều tra xác định ông Thuần không liên quan đến tội phạm nên cơ quan điều tra đã trả chiếc xe mô tô cho ông Thuần là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax là tài sản hợp pháp của anh Đỗ Xuân D và chị Lương Thị L nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8Plus bị cáo mua của chị Dương Thị K, xét thấy không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 400.000 đồng thu giữ của bị cáo, xét thấy đây là tiền bị cáo bán chiếc điện thoại iPhone 12 Promax cho chị Khoá. Bị cáo đã bồi thường trả lại số tiền bán điện thoại cho chị Khoá nên số tiền trên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm b,h,s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Minh P phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Minh P: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Triệu Minh P cho UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo:

+ Số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) được niêm phong trong một phong bì do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Triệu Minh P phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- HSNV CA huyện Lục Yên;
- UBND xã Động Quan;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu HS, TA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thao